TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ QUỐC** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16/4/2019
V/v: "Xin ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Ngọc Hồng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Dương Tấn Đấu**
2. Ông **Nguyễn Phước Lộc**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Cẩm Duyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc: Ông **Lê Văn Chung** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 265/2018/TLST-HNGD ngày 17 tháng 7 năm 2018 về việc "Xin ly hôn ".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 05/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Mai Thị Lệ H**, sinh năm 1984

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T,** sinh năm 1983

Cùng địa chỉ: Tổ 9, khu phố 6, thị trấn D, huyện P, tỉnh K.

(Bà H có đơn xin vắng mặt; ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai và biên bản hòa giải nguyên đơn chị Mai Thị Lệ H trình bày: Năm 2005, chị và anh T tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn D, giấy chứng nhận kết hôn số 70, quyển số 01 ngày 07/4/2006.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống vui vẻ hạnh phúc, đến năm 2016 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng ý kiến với nhau trong cuộc sống, dẫn đến

tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, vì thương các con nên chị cố hàn gắng để cùng nhau lo cho các con nhưng không được mà mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, nên từ năm 2016 chị và anh T sống ly thân với nhau cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, không thể nào hàn gắng lại với nhau được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 03 người con chung tên Nguyễn Mai Khánh B, sinh ngày 29/01/2006; Nguyễn Mai Khánh N1, sinh ngày 12/12/2012 và Mai Khánh N2, sinh ngày 20/01/2017 (do lấy họ mẹ). Chị có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu N1 và N2 đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng tôi. Còn cháu B đã lớn có nguyện vọng sống với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng, nếu cháu có nguyện vọng sống với chị thì chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị H cam kết không nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/02/2019 anh Nguyễn Văn T trình bày: Năm 2005 anh và chị H tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn D năm 2006. Vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì lớn chỉ tại anh hay ăn chơi và nhậu nhẹt nên chị H không đồng ý.

Anh vẫn còn thương vợ con nên yêu cầu được đoàn tụ để về lo cho các con. Trường hợp chị H vẫn nhất quyết ly hôn thì tùy chị H, anh không có ý kiến gì.

Về con chung: Trường hợp Tòa án cho ly hôn thì cháu N1 và cháu N2 anh đồng ý cho vợ nuôi dưỡng. Còn cháu B đã lớn có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, nếu cháu theo anh thì anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai và đơn xin vắng mặt cháu Nguyễn Mai Khánh B trình bày: Hiện tại cháu đang học lớp 7 trường THCS DĐ1. Cháu không biết nguyên nhân cha mẹ ly hôn, nếu cha mẹ nhất quyết ly hôn thì nguyện vọng của cháu được sống với mẹ vì mẹ thương cháu hơn, đây là nguyện vọng của con không ai ép buộc.

* Kiểm sát viên có ý kiến cho rằng Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, lấy lời khai, hòa giải, đưa vụ án ra xét xử đúng thời hạn luật định. Đối với Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng phiên tòa từ khi khai mạc phiên tòa cho đến thời điểm trước nghị án. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H được ly hôn với anh T. Giao 03 người con chung cho chị H chăm sóc nuôi dưỡng. Về tài sản và nợ không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Mai Thị Lệ H có đơn xin vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai (lần thứ nhất ngày 07/3/2019) nhưng vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt của anh T không vì sự kiện bất khả kháng. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2005, chị H và anh T tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn D, huyện P, tỉnh K theo giấy chứng nhận kết hôn số 70, quyển số 01/2006 ngày 07/4/2006, đây là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2016 vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị H trình bày là do bất đồng ý kiến với nhau trong cuộc sống, vợ chồng thường cự cải dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh T.

[3] Tại biên bản lấy lời khai anh T cũng thừa nhận do anh hay ăn chơi và nhậu nhẹt nên chị H không đồng ý. Anh vẫn còn thương vợ con nên yêu cầu được đoàn tụ để về lo cho các con. Trường hợp chị H kiên quyết ly hôn thì tùy, anh không có ý kiến gì.

Tại biên bản xác minh ngày 26/10/2018 ông Trần Văn S là Phó ban nhân dân khu phố 6 cho biết: "Anh T và chị H sống với nhau tại tổ 9, khu phố 6, thị trấn D, huyện P. Hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng 02 năm nay. Chị H đã về nhà cha mẹ ruột sống, còn anh T vẫn sinh sống tại nhà riêng của vợ

chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T thường hay hút chích, không chăm lo vợ con, chị H có lên trình báo sự việc trên với Ban nhân dân khu phố 6".

Xét thấy chị H và anh T đã sống ly thân với nhau nhiều năm nay, tình cảm của chị H đối với anh T không còn, cuộc sống vợ chồng giữa anh chị không thể hàn gắn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H được ly hôn với anh T.

[4] Về con chung: Chị H và anh T có với nhau 03 người con chung tên Nguyễn Mai Khánh B, sinh ngày 29/01/2006; Nguyễn Mai Khánh N1, sinh ngày 12/12/2012 và Mai Khánh N2, sinh ngày 20/01/2017 (do lấy họ mẹ). Đối với cháu N1 và cháu N2 xét thấy cháu còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ, đồng thời tại biên bản lấy lời khai anh T có trình bày trường hợp Tòa án cho ly hôn thì cháu N1 và cháu N2 anh T đồng ý cho vợ nuôi dưỡng. Đối với cháu Nguyễn Mai Khánh B tại bản tự khai ngày 23/7/2018 cháu B có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận giao 03 người con chung cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

[5] Về cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu anh Thắng cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 266; 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị Lệ H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Mai Khánh B, sinh ngày 29/01/2006; Nguyễn Mai Khánh N1, sinh ngày 12/12/2012 và Mai Khánh N2, sinh ngày 20/01/2017 cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị H.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được ngăn cản.

Trên cơ sở lợi ích của con, chị H và anh T có quyền yêu cầu thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003283 ngày 13/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Chị H đã nộp xong. Anh T không phải nộp án phí sơ thẩm.

Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản bán được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Phú Quốc;
- Chi cục THA dân sự huyện Phú Quốc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trương Ngọc Hồng